BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ KIM NHUNG

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG KHU VỰC TÂY BẮC

***Chuyên ngành*: Quản lý giáo dục**
***Mã số*: 62.14.01.14**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2017

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Phạm Văn Sơn**
PGS.TS. Nguyễn Xuân Thanh

Phản biện 1: GS.TS. Phan Văn Kha – Viện KHGD Việt Nam
Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Minh Hùng – Trường Đại học Vinh
Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Xuân Thức – Trường ĐHSP Hà Nội

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường
họp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Vào hồi.....giờ....., ngày..... tháng..... năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại thư viện:
Thư viện Quốc Gia, Hà Nội
Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thị Kim Nhung, 2012, G*iải pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học ở trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai*, Tạp chí Giáo dục số 286, kỳ 2 -tháng 5/2012, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Kim Nhung, 2012, *Giải pháp quản lý bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 36 tháng 5/2012.
3. Nguyễn Thị Kim Nhung, 2012, *Giải pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng học sinh dân tộc miền núi ở Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai*, Tạp chí Giáo dục số 289 tháng 7/2012.
4. Nguyễn Thị Kim Nhung, 2012, *Giải pháp quản lý thông tin nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục số 85, tháng 9/2012.
5. Phạm Văn Sơn - Nguyễn Thị Kim Nhung, 2015, *Nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và năng lực đào tạo của nhà trường Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Chuyển biến kinh tế - xã hội và giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Kim Nhung, 2017, Thực trạng đào tạo cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc, Tạp chí Quản lý giáo dục số 2 tháng 2/2017, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Kim Nhung, 2017, Thực trạng quản lý đào tạo cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc, Tạp chí Thiết bị giáo dục số 139 tháng 2/2017, Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và công nghệ hiện đại, của quá trình toàn cầu hoá, nền kinh tế dựa nhiều vào tri thức sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển, duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tạo nhiều việc làm, giải quyết tốt hơn các quan hệ xã hội, cải thiện đời sống con người; sự phát triển của mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ, mỗi tổ chức phụ thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực. Từ nhiều thập kỷ trước, Đảng ta đã khẳng định: "Phát triển giáo dục đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững...". Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI cũng đã chỉ rõ "Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng".

Đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở đào tạo, là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, chỉ có đổi mới quản lý đào tạo mới nâng cao được chất lượng đào tạo, vì thông qua quản lý đào tạo việc thực hiện các mục tiêu đào tạo, các chủ trương, chính sách quốc gia, nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo mới được triển khai và thực hiện có hiệu quả.

1.2. ĐBCL đào tạo là một cấp độ của quản lý chất lượng đào tạo, ĐBCL đào tạo tác động vào cơ chế quản lý nhằm thực hiện đúng ở mọi khâu trong suốt quá trình đào tạo. Đối với QLĐT theo hướng ĐBCL, ở mỗi hoạt động đào tạo đều được quản lý thực hiện theo năm bước: xác định chuẩn; xây dựng quy trình thực hiện; bồi dưỡng nhân sự thực hiện quy trình; tổ chức thực hiện quy trình; giám sát, đo lường, đánh giá việc thực hiện quy trình. Kết quả đánh giá vòng lặp trước lại được rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động ở vòng lặp sau, cứ như vậy, việc thực hiện quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng sẽ đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo, trong đó có các trường cao đẳng.

1.3. Khu vực Tây Bắc bao gồm 6 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái với diện tích trên 5,64 triệu ha, dân số 3,5 triệu người. Là một khu vực có vị trí chiến lược trong an ninh - quốc phòng, nhưng kinh tế - xã hội của khu vực Tây Bắc vẫn đang là một trong ba khu vực khó khăn nhất trong cả nước, tỷ lệ hộ đói, nghèo cao.

Các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc trong những năm qua đã nỗ lực trong công tác đào tạo và quản lý đào tạo, góp phần từng bước phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; nhưng quản lý đào tạo của các trường này đang thực hiện quản lý theo truyền thống, theo kinh nghiệm, nên còn bộc lộ những hạn chế về quản lý phát triển đội ngũ; khai thác và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu phục vụ dạy và học; thực tế, thực tập của sinh viên; phát

triển một số kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá trong việc nâng cao chất lượng đào tạo...

Khu vực Tây Bắc khó khăn về kinh tế - xã hội, lại đa sắc tộc, bản sắc văn hóa phong phú, đa dạng nhưng cho đến nay chưa có các công trình nghiên cứu, luận án nghiên cứu sâu về quản lý chất lượng đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc. Để các trường cao đẳng đa ngành nơi đây đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, đòi hỏi có công trình nghiên cứu riêng, mang tính đặc thù cho các trường cao đẳng khu vực này.

Vì vậy, tác giả chọn đề tài: "***Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc*** " để nghiên cứu trong khuôn khổ luận án tiến sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng theo hướng đảm bảo chất lượng và thực trạng đào tạo, quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc; đề xuất các biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Hoạt động đào tạo trong các trường cao đẳng.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

4. Giả thuyết khoa học

Quản lý đào tạo trong các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc trong những năm qua đã có nhiều đổi mới, bước đầu đã đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương. Tuy nhiên trước yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, quản lý đào tạo trong các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc cũng còn bộc lộ những hạn chế trong quản lý phát triển đội ngũ; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, quản lý đào tạo; quản lý thông tin của SV sau tốt nghiệp; tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá trong xây dựng kế hoạch đảm bảo và nâng cao CLĐT.

Nếu đề xuất và sử dụng đồng bộ các biện pháp quản lý: đầu vào, quá trình, đầu ra, điều tiết bối cảnh theo hướng ĐBCL dựa trên mô hình CIPO, thì sẽ góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường CĐ khu vực Tây Bắc.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở trường cao đẳng.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng về đào tạo và quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

- Đề xuất các biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc. Khảo nghiệm và thử nghiệm khoa học một số biện pháp nhằm chứng minh tính khả thi và hiệu quả của biện pháp đề xuất.

6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Lý luận về đào tạo, QLĐT; thực trạng đào tạo; thực trạng QLĐT trình độ cao đẳng.

6.2. Giới hạn về không gian

6.2.1. Giới hạn về chủ thể nghiên cứu

- Chủ thể quản lý: Hiệu trưởng.

- Chủ thể phối hợp: Các phó hiệu trưởng; các phòng chức năng; các khoa, bộ môn.

6.2.2. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu

Luận án chọn địa bàn nghiên cứu tại 4 trường: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên; Trường Cao đẳng Sơn La, Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu, Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai. Thử nghiệm một biện pháp đã đề xuất về quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng tiến hành tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai.

6.2.3. Giới hạn về đối tượng khảo sát và thử nghiệm

- Giới hạn về đối tượng khảo sát

Cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên đã tốt nghiệp và người sử dụng sinh viên tốt nghiệp của bốn trường cao đẳng khu vực Tây Bắc nói trên.

- Giới hạn về đối tượng khảo sát và đối tượng thử nghiệm biện pháp

+ Đối tượng khảo sát: Giảng viên giảng dạy chuyên ngành của các khoa: Kinh tế, Văn hóa - Du lịch; Nông lâm; Pháp lý - Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai; lãnh đạo, nhân viên của đơn vị sử dụng lao động tham gia quản lý và hướng dẫn sinh viên thực tập nghề nghiệp.

+ Đối tượng thử nghiệm

Sinh viên năm cuối của các ngành: Kế toán, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Nông lâm kết hợp, Quản trị văn phòng; GV tham gia thực hiện học phần thực tập nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai.

6.3. Giới hạn về thời gian

Thời gian nghiên cứu đề tài từ năm 2012 đến đầu năm 2017.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài

7.1. Phương pháp luận

7.1.1. Tiếp cận hệ thống

7.1.2. Tiếp cận thực tiễn

7.1.3. Tiếp cận quá trình theo mô hình CIPO

7.1.4. Tiếp cận đảm bảo chất lượng

7.1.5. Tiếp cận chuẩn (chuẩn đầu ra)

7.1.6. Tiếp cận cung - cầu

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.3. Nhóm phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

8. Những luận điểm bảo vệ

8.1. Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng vận dụng mô hình CIPO ngoài những nét tương đồng với quản lý đào tạo nói chung, còn có những đặc điểm riêng. Việc cụ thể hóa khung lý thuyết về quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng vận dụng mô hình CIPO là việc làm rất cần thiết để làm công cụ thực hiện quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn có thể xác định các biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

8.2. Trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp hiện nay, các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc luôn nỗ lực thực hiện khá tốt công tác đào tạo và QLĐT, nhưng cũng còn những hạn chế cần phải khắc phục để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

8.3. Bên cạnh việc phát huy điểm mạnh, nếu các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra, quản lý và điều tiết yếu tố bối cảnh đề xuất trong luận án sẽ đảm bảo và nâng cao được chất lượng đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

9. Những đóng góp mới của luận án

9.1. Hệ thống hóa và làm phong phú thêm lý luận về quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở trường cao đẳng. Vận dụng mô hình CIPO, xây dựng khung lý luận QLĐT theo hướng ĐBCL ở các trường cao đẳng.

9.2. Làm rõ thực trạng hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc, đánh giá thực trạng QLĐT ở các các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc theo các thành tố của mô hình CIPO.

9.3. Đề xuất và khẳng định tính cần thiết, khả thi, hiệu quả của 08 biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

9.4. Luận án là tài liệu tham khảo cho lãnh đạo các cấp trong quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng; là tài liệu tham khảo cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường giúp họ hiểu rõ chức trách, nhiệm vụ của mình trong tham mưu và triển khai việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

10. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, mục lục, nội dung chính của luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở trường cao đẳng

Chương 2. Thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

Chương 3. Biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC

1.1. Tổng quan nghiên cứu về quản lý đào tạo theo hướng ĐBCL

Quản lý đào tạo theo hướng ĐBCL đã có nhiều công trình nghiên cứu. Tổng quan nghiên cứu về quản lý đào tạo theo hướng ĐBCL đi theo hai hướng:

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đào tạo, quản lý đào tạo có các công trình nghiên cứu của các tác giả: John E. Kerrigan và Jeff S. Luke, David A. DeCenzo-Stephen P. Robins, Bikas C.Sanyal, Micheala Martin, Susan D'Antoni, C. janmes, Heffeman James, Arthur Levin, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Kiên Cường, Trần Thị Bích Liễu, Đặng Xuân Hải, Ngô Tấn Lực, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Lê Viết Khuyến, Lâm Quang Thiệp, Võ Văn Thắng, Phạm Thị Thanh Hải và nhiều tác giả khác.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quản lý đào tạo theo hướng ĐBCL có các công trình nghiên cứu của các tác giả: Cave và các cộng sự, Johnes và Taylor, Sanjaya Mishra, Phạm Thành Nghị, Nguyễn Đức Chính, Trần Khánh Đức, Vũ Xuân Hồng, Nguyễn Văn Hùng và nhiều tác giả khác.

* Qua các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước, luận án đã làm sáng tỏ nội hàm về các vấn đề quản lý đào tạo, quản lý chất lượng, quản lý chất lượng giáo dục, đào tạo...; các mô hình ĐBCL trong quản lý đào tạo vận dụng được ở các trường TCCN, CĐ, ĐH trong đó có mô hình CIPO.

Việc vận dụng mô hình CIPO trong ĐBCL đào tạo đã được một số công trình nghiên cứu và chứng minh tính khả thi khi thực hiện ở một số mô hình trường cụ thể như: các trường đại học (đào tạo từ xa), Học viện Phật giáo Việt Nam, các trường cao đẳng nghề, Trường bồi dưỡng cán bộ Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh...

Tuy nhiên, hiện nay chưa có công trình nghiên cứu nào về QLĐT theo hướng ĐBCL cho và có vận dụng mô hình CIPO cho miền núi như khu vực Tây Bắc. Vì vậy, luận án sẽ

tập trung làm rõ về mặt lý luận quản lý đào tạo theo hướng ĐBCL theo mô hình CIPO ở các trường cao đẳng; bằng kết quả nghiên cứu khẳng định QLĐT theo hướng ĐBCL nâng cao được chất lượng đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

1.2. Chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

1.2.1. Chất lượng và chất lượng đào tạo

1.2.1.1. Chất lượng: Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu

1.2.1.2. Chất lượng đào tạo

Chất lượng đào tạo là sự phù hợp năng lực của sinh viên tốt nghiệp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

1.2.2. Đảm bảo chất lượng đào tạo

1.2.2.1. Quản lý chất lượng

Quản lý chất lượng là những hoạt động có chức năng quản lý chung nhằm đề ra các chính sách, mục tiêu, trách nhiệm và được thực hiện bằng các biện pháp như chính sách chất lượng, hoạch định chất lượng, kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng trong khuôn khổ hệ thống chất lượng cho phép

1.2.2.2. Đảm bảo chất lượng đào tạo

Trong đảm bảo chất lượng đào tạo, một hệ thống các biện pháp, các hoạt động có kế hoạch được tiến hành trong và ngoài nhà trường được chứng minh là đủ mức cần thiết để tạo ra sự tin tưởng thoả đáng rằng các hoạt động và sản phẩm đào tạo (SV tốt nghiệp) sẽ thoả mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra.

Đảm bảo chất lượng đào tạo bao gồm đảm bảo chất lượng bên trong (internal quality assurance) và đảm bảo chất lượng bên ngoài (external quality assurance) nhà trường.

Trong phạm vi luận án này, tác giả chỉ xem xét đảm bảo chất lượng bên trong (internal quality assurance) các trường cao đẳng.

b) Các cấp độ quản lý chất lượng

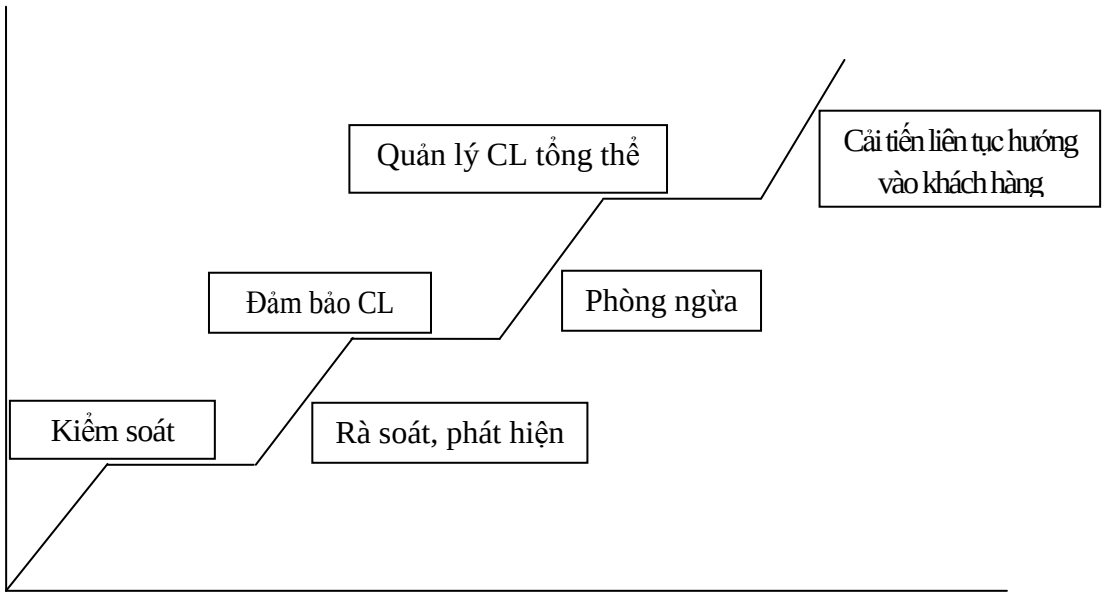

1.3. Đào tạo và các thành tố của đào tạo

1.3.1. Khái niệm đào tạo

Đào tạo là quá trình chuyển giao có hệ thống, có phương pháp những kinh nghiệm, những tri thức, những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, chuyên môn; đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cần thiết và chuẩn bị tâm thế cho người học đi vào cuộc sống lao động tự lập và góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.

1.4. Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng

1.4.1. Khái niệm quản lý

Quản lý là hệ thống các tác động có mục đích, có tổ chức, phù hợp quy luật khách quan của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra trong điều kiện luôn biến động của môi trường.

1.4.2. Quản lý đào tạo

Quản lý đào tạo là hệ thống các tác động có mục đích, có tổ chức, phù hợp quy luật khách quan của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm điều khiển, hướng dẫn quá trình giáo dục, những hoạt động của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên, huy động tối đa các nguồn lực khác nhau để đạt tới mục tiêu (chuẩn đầu ra) của cơ sở đào tạo và phù hợp với quy luật khách quan trong điều kiện luôn biến động của môi trường.

1.4.3. Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng

1.4.3.1. Khái niệm quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng

Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng là hệ thống các tác động có mục đích, có tổ chức, phù hợp quy luật khách quan của chủ thể quản lý vào cơ chế quản lý nhằm ngăn ngừa lỗi trước, trong và sau quá trình thực hiện tất cả các hoạt động đào tạo để đạt chuẩn đầu ra của cơ sở đào tạo và phù hợp với quy luật khách quan trong điều kiện luôn biến động của môi trường.

1.4.3.2. Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng bên trong

Khi thực hiện quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng bên trong, quản lý mỗi hoạt động đào tạo đều được thực hiện năm hoạt động quản lý: 1) Xác định chuẩn; 2) xây dựng quy trình thực hiện; 3) bồi dưỡng nhân sự thực hiện quy trình; 4) tổ chức thực hiện quy trình; 5) giám sát, đo lường, đánh giá việc thực hiện quy trình.

1.4.3.3. Một số yêu cầu khi thực hiện quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng bên trong

1.5. Vận dụng mô hình CIPO vào quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng

1.5. Vận dụng mô hình CIPO vào quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng

1.5.1. Giới thiệu mô hình CIPO

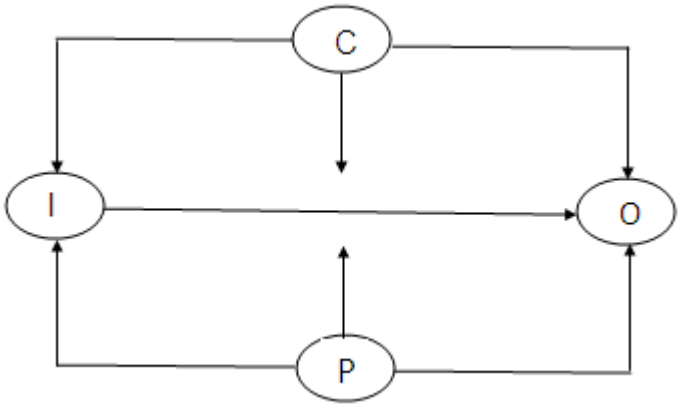

I: Input (đầu vào)

O: Outcome (đầu ra)

P: Process (quá trình)

C: Context

(bối cảnh, môi trường)

1.5.2. Sự cần thiết vận dụng mô hình CIPO vào quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng

1.5.3. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng

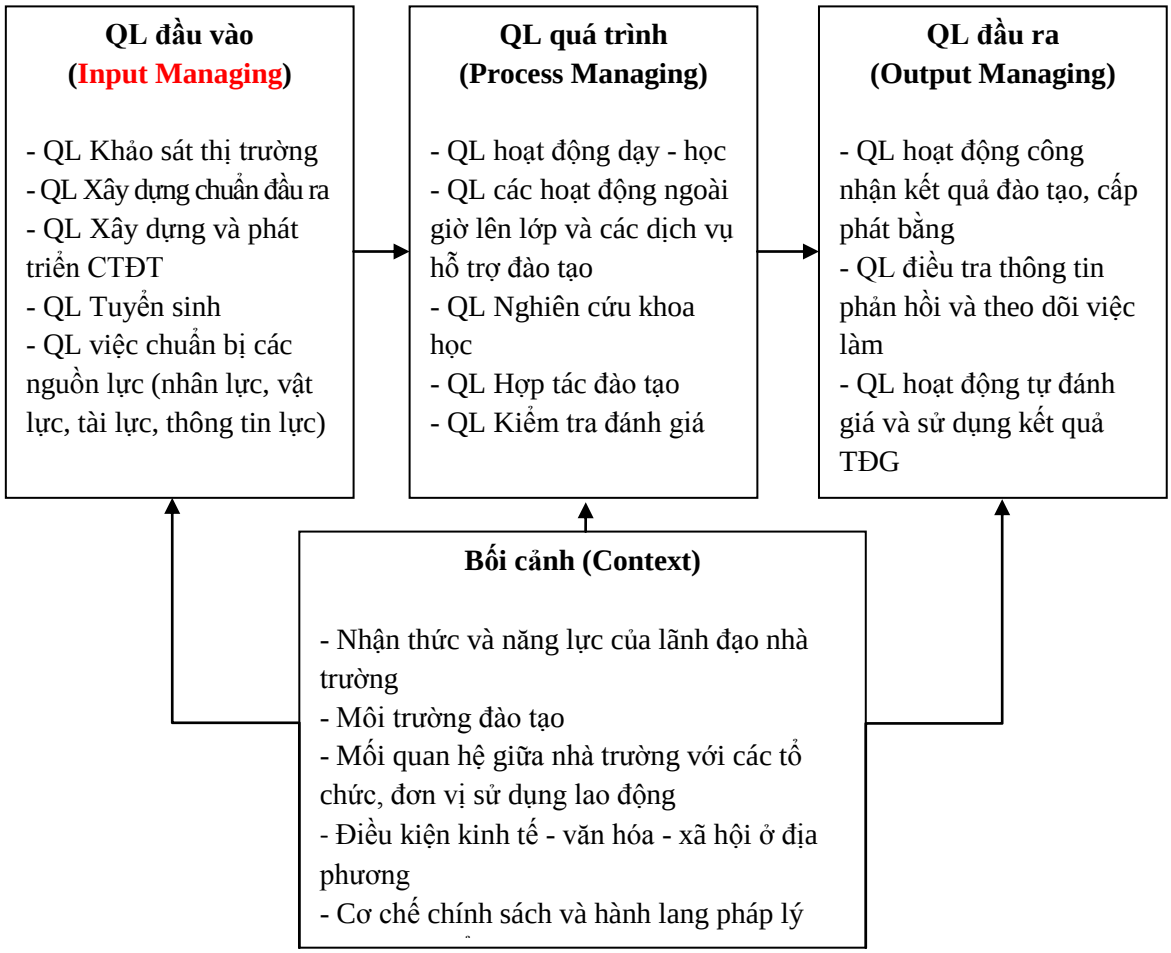

1.5.4. Nội dung quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng

1.5.4.1. Quản lý đầu vào

a) Quản lý hoạt động khảo sát nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động

b) Quản lý hoạt động xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

c) Quản lý hoạt động xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng CĐR

d) Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL

e) Quản lý các hoạt động chuẩn bị các nguồn lực phục vụ ĐT tđáp ứng CĐR

* Quản lý hoạt động chuẩn bị nhân lực

* Quản lý hoạt động chuẩn bị CSVC trang thiết bị, học liệu,

* Quản lý hoạt động chuẩn bị tài chính đảm bảo phục vụ ĐT đáp ứng yêu cầu của CTĐT

1.5.4.2. Quản lý quá trình đào tạo

a) Quản lý thực hiện hoạt động dạy học, thực hành, thực tập đáp ứng CĐR

b) Quản lý các hoạt động ngoài giờ lên lớp và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo HSSV hướng theo CĐR

c) Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học đáp ứng CĐR

d) Quản lý hoạt động hợp tác đào tạo đáp ứng yêu cầu CĐR

e) Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu CĐR

1.5.4.3. Quản lý đầu ra

a) Quản lý công tác công nhận kết quả đào tạo, cấp phát bằng đáp ứng yêu cầu CĐR

b) Quản lý thu thập, xử lý thông tin đầu ra theo yêu cầu CĐR

c) Quản lý tự đánh giá và sử dụng kết quả TĐG đáp ứng yêu cầu ĐBCL

1.5.4.4. Nội dung quản lý điều tiết yếu tố bối cảnh theo hướng đảm bảo chất lượng

Nội dung quản lý điều tiết yếu tố bối cảnh theo hướng đảm bảo chất lượng bao gồm: nhận thức, đánh giá mức độ ảnh hưởng, đề xuất biện pháp tác động, điều tiết yếu tố bối cảnh có tác động đến quản lý đào tạo. Các yếu tố gồm: quản lý, lãnh đạo của nhà trường; môi trường đào tạo; mối quan hệ giữa nhà trường với xã hội; điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương; cơ chế chính sách và hành lang pháp lý; sự phát triển của khoa học - kỹ thuật.

1.6. Kinh nghiệm quốc tế về ĐBCL ĐT CĐ, ĐH và bài học đối với nước ta

1.6.1. Kinh nghiệm đảm bảo chất lượng giáo dục ĐH ở một số quốc gia như: Mỹ, Anh, Australia, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan, Châu Âu, Châu Á và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐH toàn cầu.

1.6.2. Bài học đối với nước ta

Qua kinh nghiệm của các quốc gia về ĐBCL giáo dục đại học và các tổ chức liên quốc gia ở Châu Âu, Châu Á, ta thấy:

- ĐBCL được áp dụng phổ biến, là xu thế chung và phù hợp với các nền kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội khác nhau.

- Mỗi quốc gia, môi vùng lãnh thổ có cách triển khai ĐBCL khác nhau, nhưng tưu chung lại, mỗi cơ sở đào tạo đều phải chủ động xây dựng một hệ thống ĐBCL phù hợp của cơ sở đào tạo và tự đánh giá các hoạt động của mình - ĐBCL bên trong - Đây là điều kiện quan trọng nhất của ĐBCL. KĐCL bên ngoài khẳng định kết quả cơ sở đào tạo đã đạt được, hỗ trợ cơ sở đào tạo cải tiến hệ thống ĐBCL và nâng cao chất lượng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận án đã phản ánh những kết qủa nghiên cứu về tổng quan và cơ sở lý luận về quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở trường cao đẳng với những nội dung chủ yếu như sau:

Đã có nhiều công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đưa ra nhiều quan điểm, lý thuyết, mô hình về chất lượng, quản lý chất lượng, quản lý chất lượng đào tạo, đào tạo, QLĐT, ĐBCL đào tạo... Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng là hệ thống các biện pháp quản lý tác động vào tất cả các khâu của hoạt động đào tạo, nhằm tạo ra người tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Trong quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng, mỗi hoạt động quản lý đào tạo đều được thực hiện năm bước: 1) Xác định chuẩn; 2) Xây dựng quy trình thực hiện quy trình; 3) Bồi dưỡng nhân sự thực hiện quy trình; 4) Tổ chức thực hiện quy trình; 5) Giám sát, đo lường, đánh giá.

Nội dung quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng theo hướng ĐBCL dựa trên mô hình CIPO thể hiện qua quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra như sau:

Quản lý đầu vào bao gồm quản lý các hoạt động: khảo sát thị trường lao động; xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra; xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo; tuyển sinh; chuẩn bị các nguồn lực phục vụ ĐT (nhân lực, vật lực, tài lực).

- Quản lý quá trình đào tạo bao gồm quản lý các hoạt động: dạy học, thực hành, thực tập; các hoạt động ngoài giờ lên lớp và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo; nghiên cứu khoa học; hợp tác đào tạo; kiểm tra, đánh giá.

- Quản lý đầu ra bao gồm quản lý các hoạt động: công nhận kết quả đào tạo, cấp phát văn bằng; thu thập, xử lý thông tin đầu ra; tự đánh giá và sử dụng kết quả TĐG.

- Quản lý điều tiết các yếu tố bối cảnh thuộc về: quản lý, lãnh đạo của nhà trường; môi trường đào tạo; mối quan hệ giữa nhà trường với xã hội; điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương; cơ chế chính sách và hành lang pháp lý; sự phát triển của khoa học - kỹ thuật.

Các kết quả nghiên cứu trên tạo cơ sở lý luận để triển khai các nội dung nghiên cứu tiếp theo của luận án ở chương 2 và 3 của luận án.

Chương 2
THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO, QUẢN LÝ ĐÀO TẠO Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG KHU VỰC TÂY BẮC

2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát thực trạng

Khảo sát, tổng hợp, phân tích thực trạng đào tạo, quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc, trên cơ sở thực trạng đề xuất các biện pháp quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc theo hướng đảm bảo chất lượng.

2.1.2. Nội dung khảo sát

2.1.2.1. Thực trạng đào tạo cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

Tác giả khảo sát mức độ thực hiện đào tạo cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực tây bắc với các nội dung: a) Thực trạng đầu vào; b) Thực trạng quá trình; c) Thực trạng đầu ra.

2.1.2.2. Thực trạng quản lý đào tạo cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc: a) Thực trạng quản lý các hoạt động đầu vào; b) Thực trạng quản lý các hoạt động quá trình; c) Thực trạng quản lý các hoạt động đầu ra; d) Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bối cảnh .

2.1.3. Phương pháp khảo sát: *Phương pháp quan sát, phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.*

2.1.4. Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá

Cho điểm và đánh giá theo thang điểm 4 như sau:

a) Thang cho điểm

STT	Điểm	Mức xác định
1	4	Tốt/Rất phù hợp/ Rất đáp ứng
2	3	Khá/Khá phù hợp/ Khá đáp ứng
3	2	Trung bình/ Phù hợp/ Cơ bản đáp ứng
4	1	Chưa đạt/ Chưa phù hợp/ Chưa đáp ứng

b) Thang đánh giá

STT	Điểm trung bình	Mức đánh giá
1	3,25 - 4	Tốt/Rất phù hợp/ Rất đáp ứng
2	2,5 - 3,24	Khá/Khá phù hợp/ Khá đáp ứng
3	1,75 - 2,49	Trung bình/ Phù hợp/ Cơ bản đáp ứng
4	Dưới 1,75	Chưa đạt/ Chưa phù hợp/ Chưa đáp ứng

2.1.5. Đối tượng và địa bàn khảo sát

a) Đối tượng khảo sát:

- Thực trạng ĐT: CBQL, GV, kỹ thuật viên.

- Thực trạng QLĐT: CBQL từ cấp bộ môn trở lên.

b) Địa bàn khảo sát: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên, Trường Cao đẳng Sơn La, Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai, Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu.

2.2. Thực trạng đào tạo cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

2.2.1. Thực trạng đầu vào của quá trình đào tạo trình độ cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

($1 \leq X \leq 4$)

TT	NỘI DUNG	TỶ LỆ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (%)				MĐTH TB	THỨ BẬC
		4	3	2	1		
1	Mức độ thực hiện khảo sát thị trường lao động	10,31	42,79	40,35	6,55	2,53	4
2	Mức độ thực hiện xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	28,75	34,06	21,76	15,43	2,76	2
3	Mức độ phù hợp của chương trình đào tạo so với yêu cầu CĐR và kết quả khảo sát thị trường	27,73	34,83	24,56	12,88	2,77	1
4	Mức độ phù hợp về chất lượng SV đầu vào so với yêu cầu của chương trình đào tạo	17,90	32,49	31,79	17,82	2,50	5
5	Mức độ đáp ứng các nguồn lực phục vụ đào tạo	22,99	35,07	33,20	8,74	2,72	3
	Trung bình	**21,54**	**35,85**	**30,33**	**12,28**	**2,66**	

2.2.2. Thực trạng quá trình đào tạo trình độ cao đẳng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

$(1 \le X \le 4)$

TT	NỘI DUNG	TỶ LỆ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC (%)				MĐ TB	THỨ BẬC
		4	3	2	1		
1	Thực hiện hoạt động dạy học	27,11	35,41	26,56	10,92	2,79	3
2	Mức độ thực hiện các hoạt động ngoài giờ lên lớp đáp ứng yêu cầu CĐR của CTĐT	23,36	40,07	29,91	6,66	2,80	2
3	Mức độ thực hiện hoạt động NCKH đáp ứng yêu cầu CTĐT	29,33	36,68	32,90	1,09	2,94	1
4	Mức độ thực hiện hoạt động hợp tác trong đào tạo đáp ứng yêu cầu ĐBCL	8,30	52,58	26,29	12,84	2,56	5
5	Hoạt động KTĐG phản ánh đúng kết quả đào tạo	22,27	40,65	26,53	10,55	2,75	4
	Trung bình	**22,07**	**41,08**	**28,44**	**8,41**	**2,77**	

2.2.3. Thực trạng đầu ra: Mức độ đáp ứng yêu cầu CĐR của chương trình đào tạo SV tốt nghiệp ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

$(1 \le X \le 4)$

TT	NỘI DUNG	TỶ LỆ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC (%)				MĐ TB	THỨ BẬC
		4	3	2	1		
1	Các mục tiêu về kiến thức	25,62	47,31	19,51	7,57	2,91	2
a	Kiến thức cơ bản, cốt lõi theo ngành ĐT	38,43	53,71	5,24	2,62	3,28	
b	Kiến thức bổ trợ	33,19	49,34	10,04	7,42	3,08	
c	Kiến thức nâng cao	5,24	38,86	43,23	12,66	2,37	
2	Các mục tiêu về kỹ năng	8,84	35,15	40,28	15,72	2,37	3
a	Kỹ năng nghề nghiệp	13,54	38,86	35,37	12,23	2,54	
b	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	7,42	24,02	44,10	24,45	2,14	
c	Kỹ năng sử dụng tin học	9,17	42,36	38,86	9,61	2,51	
d	Kỹ năng mềm	5,24	35,37	42,79	16,59	2,29	
3	Thái độ	55,02	30,90	13,43	0,66	3,40	1
a	Ý thức, trách nhiệm công dân	83,84	13,54	2,62	0,00	3,81	
b	Kỷ luật lao động	69,43	24,89	4,80	0,87	3,63	
c	Đạo đức nghề nghiệp	58,52	37,55	3,93	0,00	3,55	
d	Ý thức học tập nâng cao NLNN	8,30	47,60	42,36	1,75	2,62	
	Trung bình	**29,83**	**37,79**	**24,41**	**7,98**	**2,89**	

2.3. Thực trạng quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc theo hướng đảm bảo chất lượng

2.3.1. Thực trạng quản lý đầu vào ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

$1 \leq X \leq 4$

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT		MỨC ĐỘ THỰC HIỆN	
		TB	Thứ bậc	TB	Thứ bậc
QL1	Quản lý hoạt động khảo sát thị trường lao động	3,9	5	2,52	5
QL2	Quản lý hoạt động xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra	3,96	2	3,17	1
QL3	Quản lý xây dựng và phát triển chương trình đào tạo	3,97	1	2,96	2
QL4	Quản lý công tác tuyển sinh	3,93	4	2,78	3
QL5	Quản lý việc chuẩn bị các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) phục vụ đào tạo	3,95	3	2,62	4
	Trung bình	**3,95**		**2,81**	

2.3.2. Thực trạng quản lý quá trình đào tạo ở các trường CĐ khu vực Tây Bắc

$1 \leq X \leq 4$

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT		MỨC ĐỘ THỰC HIỆN	
		TB	Thứ bậc	TB	Thứ bậc
QL6	Quản lý thực hiện hoạt động dạy học theo CĐR	3,98	1	2,93	**1**
QL7	Quản lý các hoạt động ngoài giờ lên lớp và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo SV theo CĐR	3,97	2	2,59	4
QL8	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học	3,93	3	2,60	3
QL9	Hợp tác đào tạo	3,96	3	2,51	5
QL10	Quản lý hoạt động Kiểm tra - đánh giá	3,96	4	2,90	**2**
	Trung bình	**3,96**		**2,71**	

2.3. 3. Thực trạng quản lý đầu ra

$1 \leq X \leq 4$

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT		MỨC ĐỘ ĐÃ THỰC HIỆN	
		TB	Thứ bậc	TB	Thứ bậc
QL11	Quản lý công tác công nhận kết quả đào tạo, cấp phát bằng	**3,97**	**1**	**3,35**	**1**
QL12	Quản lý công tác điều tra thông tin phản hồi và theo dõi việc làm	**3,91**	2	**2,62**	2
QL13	Quản lý công tác tự đánh giá và sử dụng kết quả TĐG nâng cao CLĐT	**3,91**	2	**2,55**	3
	Trung bình	**3,93**		**2,84**	

2.3.4. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bối cảnh tới QLĐT theo hướng ĐBCL

$1 \leq X \leq 4$

STT	NỘI DUNG	TỶ LỆ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG (%)				MĐ TB	THỨ BẬC
		4	3	2	1		
1	Yếu tố cơ chế chính sách và hành lang pháp lý	42,1	43,2	14,1	0,6	3,27	5
2	Sự phát triển khoa học kỹ thuât	24,8	42,9	30,8	1,5	2,91	6
3	Điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương	38,1	57,4	3,8	0,8	3,33	4
4	Yếu tố thuộc về quản lý, lãnh đạo của nhà trường	58,4	35,1	6,3	0,3	3,52	1
5	Yếu tố thuộc về môi trường đào tạo	44,5	47,7	7,8	0,0	3,37	2
6	Mối quan hệ giữa nhà trường với các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động	42,1	51,9	6,0	0,0	3,36	3

2.4. Đánh giá chung về thực trạng quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc theo hướng đảm bảo chất lượng về: điểm mạnh; điểm yếu và nguyên nhân; cơ hội, thách thức của QLĐT theo hướng ĐBCL ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận án đã phản ánh các kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc. Trong thời gian qua, các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc đã có những đóng góp đáng kể trong công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hiện nay, các trường vẫn không ngừng nỗ lực hoàn thiện công tác quản lý đào tạo để đảm bảo từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt là nhân lực trình độ cao đẳng.

Khảo sát thực trạng ĐT trình độ cao đẳng đối với 11 nội dung, trong đó có 5 nội dung đầu vào, 5 nội dung quá trình và kết quả đầu ra. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ đạt được đều ở mức khá trở lên, chất lượng đào tạo của các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc đang được thị trường lao động chấp nhận. Tuy nhiên, một số chỉ báo về kỹ năng chuyên môn của đội ngũ, cơ sở vật chất cho thực tế, thực tập, kết quả đầu ra còn nhiều mặt hạn chế.

Khảo sát nhận thức của LĐ nhà trường, LĐ các phòng/khoa/bộ môn về mức độ cần thiết và mức độ thực hiện QLĐT trình độ cao đẳng đối với 13 hoạt động quản lý: 5 hoạt động quản lý đầu vào, 5 hoạt động quản lý quá trình và 3 hoạt động quản lý đầu ra. Kết quả khảo sát cho thấy: nhận thức mức độ cần thiết quản lý các hoạt động đào tạo là rất cần thiết, mức độ thực hiện quản lý các hoạt động ĐT đều từ khá trở lên. Nhưng trong công tác QLĐT theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường CĐ khu vực Tây Bắc còn bộc lộ một số hạn chế nhất định về đội ngũ CBQL; quản lý khai thác và sử dụng CSVC; thực hành, thực tập; hoạt động ngoài giờ lên lớp; thông tin đầu ra; tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá.

Các kết quả nghiên cứu trên tạo cơ sở thực tiễn để nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc theo hướng đảm bảo chất lượng ở chương 3.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG KHU VỰC TÂY BẮC

3.1. Nguyên tắc đề xuất: đảm bảo tính khoa học và thực tiễn; tính kế thừa; tính hệ thống; tính hiệu quả và khả thi; phát huy được tính tích cực, chủ động, say mê, sáng tạo của đội ngũ GV và sinh viên.

3.2. Các biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở trường cao đẳng khu vực tây bắc

3.2.1. Nhóm các biện pháp về quản lý đầu vào

3.2.1.1. Biện pháp 1: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu ĐBCL

- Tổ chức ĐTBD nâng cao nhận thức về ĐBCL, QLĐT theo hướng ĐBCL cho toàn thể lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn, GV, KTV, nhân viên trong nhà trường

- Tổ chức ĐTBD nâng cao năng lực nghề nghiệp cho CCVC nhà trường, bao gồm nâng cao về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tư tưởng đạo đức, lối sống... khả năng sử dụng khoa học, công nghệ trong đào tạo và QLĐT của VC.

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm bộ môn đáp ứng yêu cầu ĐBCL.

3.2.1.2. Biện pháp 2: Tổ chức khai thác và sử dụng CSVC, trang thiết bị, học liệu phục vụ ĐT, QLĐT đáp ứng CĐR

- Khai thác và sử dụng hiệu quả CSVC, trang thiết bị, học liệu, công nghệ sẵn có của nhà trường phục vụ đào tạo, quản lý đào tạo.

- Tăng cường hợp tác nhằm khai thác và sử dụng hiệu quả CSVC, trang thiết bị, học liệu, công nghệ... và môi trường thực tế nghề nghiệp của các đơn vị HCSN, sản xuất kinh doanh phục vụ đào tạo, quản lý đào tạo nhằm tăng năng lực nghề nghiệp của SV tốt nghiệp.

- Tổ chức mua sắm, xây dựng bổ sung CSVC, trang thiết bị, học liệu, công nghệ cho nhà trường phục vụ đào tạo, quản lý đào tạo.

- Tổ chức hợp tác, chia sẻ nguồn lực vật chất phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo với các cơ sở đào tạo khác.

3.2.2. Nhóm các biện pháp về quản lý quá trình

3.2.2.1. Biện pháp 3: Quản lý hoạt động học tập của SV đáp ứng chuẩn đầu ra

- Tổ chức triển khai CTĐT, quy chế, kế hoạch đào tạo của nhà trường tới SV.

- Tổ chức quản lý việc xây dựng kế hoạch học tập của SV.

- Tổ chức quản lý việc thực hiện kế hoạch học tập của SV.

3.2.2.2. Biện pháp 4: Chỉ đạo hoạt động thực tập nghề nghiệp nhằm tăng cường năng lực nghề nghiệp cho SV đáp ứng chuẩn đầu ra

- Sử dụng hiệu quả nhân lực, vật lực hiện có; hướng dẫn thực hành theo hướng "cầm tay chỉ việc" trước khi tổ chức cho SV thực tập nghề nghiệp.

- Tổ chức cho SV thực hành nghề nghiệp tại nhiều đơn vị sử dụng lao động khác nhau với các nghiệp vụ có thể khác nhau theo từng đoạn thời gian.

- Tổ chức khai thác, sử dụng nhân lực lành nghề của các đơn vị sử dụng lao động hướng dẫn thực tập nghề nghiệp cho SV.

3.2.2.3. Biện pháp 5: Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra

- Tổ chức các hoạt động mang tính trách nhiệm công dân, trách nghiệm xã hội cho SV.

- Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực nghề nghiệp; bồi dưỡng các kỹ năng mềm, nâng cao đời sống tinh thần cho cho SV.

- Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao lòng tự hào dân tộc; tôn trọng, gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc, bài trừ hủ tục.

3.2.3. Nhóm các biện pháp về quản lý đầu ra

3.2.3.1. Biện pháp 6: Tổ chức điều tra thông tin phản hồi và theo dõi việc làm của SV bám sát chuẩn đầu ra

- Tổ chức thu thập, xử lý thông tin SV tốt nghiệp đánh giá về CĐR, CTĐT và quá trình đào tạo của nhà trường, những vấn đề cần điều chỉnh CĐR và CTĐT.

- Tổ chức thu thập, xử lý thông tin cựu SV tự đánh giá về khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu TTLĐ theo từng khung thời gian sau tốt nghiệp.

- Tổ chức thu thập, xử lý thông tin người quản lý các đơn vị sử dụng lao động đánh giá về khả năng SV đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo từng khung thời gian sau tốt nghiệp.

3.2.3.2. Biện pháp 7: Tổ chức tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá nhằm ĐB và nâng cao chất lượng đào tạo

- Tổ chức tự nhìn nhận, mô tả, làm rõ thực trạng nhà trường.

- Tổ chức phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến các biện pháp QLĐT, nâng cao CLĐT.

3.2.4. Nhóm biện pháp tác động, điều chỉnh bối cảnh

Biện pháp 8: Tổ chức xây dựng và tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của nhà trường

- Tổ chức xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi tạo nên giá trị và tạo nên sự khác biệt của nhà trường trên cơ sở pháp lý.

- Chỉ đạo tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của nhà trường tới HSSV, viên chức nhà trường.

- Chỉ đạo tuyên truyền rộng rãi sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của nhà trường tới các bên liên quan.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

3.4. Khảo nghiệm và thử nghiệm

3.41. Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi về các biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc

3.4.1.1 Mục đích khảo nghiệm

3.4.1.2. Nội dung khảo nghiệm

Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của: nhóm biện pháp quản lý đầu vào; nhóm biện pháp quản lý quá trình; nhóm biện pháp quản lý đầu ra; biện pháp tác động, điều chỉnh các yếu tố bối cảnh.

3.4.1.3. Phương pháp khảo nghiệm: phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi và phương pháp chuyên gia.

3.4.1.3. Tiêu chí khảo nghiệm và thang đánh giá

Trong khảo nghiệm, các tiêu chí được cho điểm theo thang điểm 4, đối với mức độ cần thiết thì 4: rất cần thiết, 3: cần thiết, 2: ít cần thiết, 1: không cần thiết và đối với mức độ khả thi thì 4: rất khả thi, 3: khả thi, 2: ít khả thi, 1: không khả thi.

b) Thang đánh giá

Trong luận án, tất cả các tiêu chí khảo nghiệm bằng phiếu hỏi được cho điểm theo thang điểm 4 với thang đánh giá như sau:

STT	Điểm trung bình	Mức đánh giá
1	3,25 - 4	Rất cần thiết/ Rất khả thi
2	2,5 - 3,24	Khá cần thiết/ Khá khả thi
3	1,75 - 2,49	Ít cần thiết/ Ít khả thi
4	Dưới 1,75	Không cần thiết/Không khả thi

3.5.1.4. Quy trình khảo nghiệm

3.4.1.5. Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi về các biện pháp QLĐT ở các trường CĐ khu vực Tây Bắc theo hướng ĐBCL

$1 \leq X \leq 4$

STT	NỘI DUNG	MĐCT		MĐKT	
		TB	THỨ BẬC	TB	THỨ BẬC
1	Nhóm biện pháp quản lý đầu vào	3,97	1	3,40	1
2	Nhóm biện pháp quản lý quá trình	3,96	2	3,38	2
3	Nhóm biện pháp quản lý đầu ra	3,96	2	3,28	3
	Trung bình	**3,96**		**3,35**	
	Tương quan	**0,75**			

Như vậy, các kết quả trên cho thấy: các biện pháp đã đề xuất trong luận án là rất cần thiết và rất khả thi, phù hợp với các trường CĐ khu vực Tây Bắc trong việc ĐBCL và nâng cao chất lượng đào tạo.

3.4.2. Thử nghiệm một biện pháp đề xuất

Từ mục 3.4.2.1. đến 3.4.2.7. gồm các nội dung: mục đích thử nghiệm; giả thuyết thử nghiệm; khách thể thử nghiệm và đánh giá; nội dung thử nghiệm; quy trình thực hiện; tiêu chí đánh giá; thang đánh giá.

3.4.2.8. Kết quả thử nghiệm

a) Đánh giá mức độ gia tăng kiến thức của SV trước thử nghiệm (TTN) và sau thử nghiệm (STN) biện pháp tổ chức thực tập nghề nghiệp cho SV

$1 \leq X \leq 4$

TT	NỘI DUNG	ĐTB TTN	ĐTB STN	Độ gia tăng
	(1)	**(2)**	**(3)**	**(3) - (2)**
a	Kiến thức cơ bản, cốt lõi theo ngành đào tạo (KTCB, CL)	2,83	3,00	0,17
b	Kiến thức bổ trợ (KTBT)	2,54	2,60	0,06
c	Kiến thức nâng cao (KTNC)	2,09	2,23	0,14
	Trung bình	**2,49**	**2,61**	**0,12**

b) Đánh giá mức độ gia tăng kỹ năng của SV trước thử nghiệm (TTN) và sau thử nghiệm (STN) biện pháp tổ chức thực tập nghề nghiệp cho SV

$1 \leq X \leq 4$

TT	NỘI DUNG	ĐTB TTN	ĐTB STN	Độ gia tăng
	(1)	**(2)**	**(3)**	**(3) - (2)**
a	Kỹ năng nghề nghiệp (KNNN)	2,00	2,60	0,60
b	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ (KNSDNN)	1,89	2,00	0,11
c	Kỹ năng sử dụng tin học (KNSDTH)	2,23	2,40	0,17
d	Kỹ năng mềm (KNM)	2,14	2,54	0,40
	Trung bình	**2,06**	**2,39**	**0,32**

c) Đánh giá mức độ gia tăng thái độ của SV trước thử nghiệm (TTN) và sau thử nghiệm (STN) biện pháp tổ chức thực tập nghề nghiệp cho SV

$1 \leq X \leq 4$

TT	NỘI DUNG	ĐTB TTN	ĐTB STN	Độ gia tăng
	(1)	**(2)**	**(3)**	**(3) - (2)**
a	Ý thức, trách nhiệm công dân	3,17	3,26	0,09
b	Kỷ luật lao động	2,66	3,03	0,37
c	Đạo đức nghề nghiệp	2,91	3,11	0,20
d	Ý thức học tập nâng cao năng lực	2,11	2,54	0,43
	Trung bình	**2,71**	**2,99**	**0,27**

Kết quả thử nghiệm cho thấy biện pháp đề xuất có hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận ở chương 1; thực trạng ĐT, QLĐT ở chương 2, chương 3 của luận án đã đề xuất tám biện pháp QLĐT ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc theo hướng ĐBCL gồm: 2 biện pháp quản lý đầu vào; ba biện pháp quản lý quá trình; hai biện pháp quản lý đầu ra; một biện pháp tác động, điều chỉnh yếu tố bối cảnh. Khảo nghiệm nhận thức về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp QLĐT ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc theo hướng ĐBCL đối với khách thể là CBQL từ cấp bộ môn trở lên và trợ lý khoa.

Kết quả khảo nghiệm cho thấy, tất cả các biện pháp được đề xuất đều rất cần thiết và rất khả thi; giữa mức độ cần thiết và mức độ khả thi có mối tương quan thuận; đều từ tương đối chặt chẽ, tương đối phù hợp và thống nhất trở lên.

Phần thử nghiệm đã chọn biện pháp: "Chỉ đạo hoạt động thực tập nghề nghiệp cho SV nhằm tăng cường năng lực nghề nghiệp cho SV đáp ứng chuẩn đầu ra" để triển khai thử nghiệm trong khuôn khổ của luận án. Kết quả thử nghiệm cho thấy năng lực nghề nghiệp của SV sau thử nghiệm đều tăng so với trước thử nghiệm ở tất cả các chỉ báo, đặc biệt là kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, ý thức học tập nâng cao năng lực, kỷ luật lao động tăng rất cao. Điều đó khẳng định rằng biện pháp QLĐT đã đề xuất khả thi và có hiệu quả, có thể ứng dụng trong thực tiễn QLĐT ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc.

Những kết quả nghiên cứu ở chương 3 đã bước đầu giải quyết được một trong các nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu chủ yếu của luận án về đề xuất các biện pháp và khảo nghiệm, thử nghiệm một biện pháp được lựa chon. Các kết quả trên chứng minh tính đúng đắn và phù hợp của giả thuyết khoa học của luận án.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

1.1. Về lý luận

- Quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng là xu hướng phù hợp với các trường cao đẳng khu vực Tây bắc bao gồm hệ thống các biện pháp quản lý tác động vào tất cả các hoạt động đào tạo, nhằm tạo ra người tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Trong quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng, mỗi hoạt động đào tạo đều được thực hiện năm bước: 1) Xác định chuẩn; 2) Xây dựng quy trình thực hiện; 3) Bồi dưỡng nhân sự thực hiện quy trình; 4) Tổ chức thực hiện quy trình; 5) Giám sát, đo lường, đánh giá việc thực hiện quy trình.

- Nội dung quản lý đào tạo ở các trường cao đẳng theo hướng ĐBCL dựa trên mô hình CIPO thể hiện qua quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra như sau:

Quản lý đầu vào bao gồm quản lý các hoạt động: khảo sát thị trường lao động; xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra; xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo; tuyển sinh; chuẩn bị các nguồn lực phục vụ ĐT (nhân lực, vật lực, tài lực).

Quản lý quá trình đào tạo bao gồm quản lý các hoạt động: dạy học, thực hành, thực tập; các hoạt động ngoài giờ lên lớp và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo; nghiên cứu khoa học; hợp tác đào tạo; kiểm tra, đánh giá.

Quản lý đầu ra bao gồm quản lý các hoạt động: công nhận kết quả đào tạo, cấp phát văn bằng; thu thập, xử lý thông tin đầu ra; tự đánh giá và sử dụng kết quả TĐG.

Quản lý điều tiết các yếu tố bối cảnh thuộc về: quản lý, lãnh đạo của nhà trường; môi trường đào tạo; mối quan hệ giữa nhà trường với xã hội; điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội ở địa phương; cơ chế chính sách và hành lang pháp lý; sự phát triển của khoa học - kỹ thuật.

1.2. Về thực trạng đào tạo và QLĐT ở các trường CĐ khu vực Tây Bắc

Khảo sát thực trạng ĐT trình độ cao đẳng đối với 11 nội dung, trong đó có 5 nội dung đầu vào, 5 nội dung quá trình và kết quả đầu ra.

Khảo sát nhận thức của LĐ nhà trường, LĐ các phòng/khoa/bộ môn về mức độ cần thiết và mức độ thực hiện QLĐT trình độ cao đẳng đối với 13 hoạt động quản lý: 5 hoạt động quản lý đầu vào, 5 hoạt động quản lý quá trình và 3 hoạt động quản lý đầu ra. Kết quả khảo sát cho thấy: nhận thức mức độ cần thiết quản lý các hoạt động đào tạo đều là rất cần thiết, mức độ thực hiện quản lý các hoạt động ĐT đều từ khá trở lên. Nhưng trong công tác QLĐT ở các trường CĐ khu vực Tây Bắc còn bộc lộ một số hạn chế nhất định về quản lý: đội ngũ, khai thác và sử dụng CSVC; thực hành, thực tập; hoạt động ngoài giờ lên lớp; thông tin đầu ra; tự đáng giá và sử dụng kết quả tự đánh giá.

1.3. Về các biện pháp QLĐT theo hướng ĐBCL ở các trường CĐ khu vực Tây Bắc

Luận án đã đề xuất và khẳng định sự cần thiết, khả thi của 8 biện pháp quản lý quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu ĐBCL; tổ chức khai thác và sử dụng CSVC, trang thiết bị, học liệu phục vụ ĐT, QLĐT đáp ứng CĐR; quản lý hoạt động học tập của SV đáp ứng chuẩn đầu ra; chỉ đạo hoạt động thực tập nghề nghiệp nhằm tăng cường năng lực nghề nghiệp cho SV đáp ứng chuẩn đầu ra; tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp đáp ứng yêu cầu CĐR; tổ chức điều tra thông tin phản hồi và theo dõi việc làm của SV bám sát chuẩn đầu ra; tổ chức tự đánh giá và sử dụng kết quả tự đánh giá nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo; tổ chức xây dựng và tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của nhà trường.

Luận án đã thử nghiệm biện pháp: "Chỉ đạo hoạt động thực tập nghề nghiệp nhằm tăng cường năng lực nghề nghiệp cho SV đáp ứng chuẩn đầu ra". Kết quả thử nghiệm đã khẳng định được bước đầu tính hiệu quả của biện pháp đề xuất.

2. KHUYẾN NGHỊ

2.1. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Cần tổ chức nghiên cứu và quy định CĐR chung cho từng ngành đào tạo đồng thời với danh mục ngành nghề đào tạo đã ban hành.

- Chỉ đạo xây dựng và có chính sách triển khai các biện pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng khu vực Tây Bắc nói riêng và các trường cao đẳng trong cả nước nói chung.

2.2. Đối với UBND cấp tỉnh

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thường xuyên bổ sung đầu tư nâng cấp trang thiết bị, công nghệ phục vụ ĐT và QLĐT của các nhà trường.

- Hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện hệ thống ĐBCL tại các trường CĐ của địa phương.

- Có chính sách riêng đầu tư đào tạo các ngành nghề tại CĐ tại địa phương theo chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

2.3. Đối với các trường cao đẳng địa phương

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo đơn vị, GV trong nhà trường về ĐBCL ĐT, hệ thống ĐBCL ĐT và vai trò của nó trong đảm bảo, nâng cao CLĐT, khẳng định uy tín của từng cá nhân và thương hiệu của nhà trường.

Tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện hệ thống ĐBCL ĐT, tiến tới thực hiện đánh giá ngoài cấp nhà trường và cấp CTĐT.